CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC AN GIANG
Số: 140, Phan Bội Châu, phường Bình Khánh, TPLX, tỉnh An Giang
Telephone : 0296 3 953 666 - Fax: 0296 3 953 145
Email : anresco.angiang@gmail.com
Website: www.diaocag.com.vn

Long xuyên, ngày 10 tháng 10 năm 2019

THÔNG BÁO

Giá một số sản phẩm phục vụ xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang

Công ty Cổ phần Địa ốc An Giang xin thông báo đến Quý Cơ Quan giá các sản phẩm do Công ty chúng tôi sản xuất, với giá như sau:

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Giá bán (đồng/ĐVT)	Phụ ghi
A	**Cống bê tông ly tâm sản xuất theo tiêu chuẩn 22TCN 272-05**			
1	**Cống Φ 400 mm - D=50mm, M=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	265.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	276.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	286.000	Cấp tải cao
2	**Cống Φ 600 mm - D=63mm, M=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	410.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	449.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	480.000	Cấp tải cao
3	**Cống Φ 800 mm - D=80mm, M=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	653.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	722.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	811.000	Cấp tải cao
4	**Cống Φ 1000 mm - D=100mm**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	1.057.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	1.163.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	1.278.000	Cấp tải cao
5	**Cống Φ 1200 mm - D=120mm**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	1.988.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	2.069.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	2.195.000	Cấp tải cao

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Giá bán (đồng/ĐVT)	Phụ ghi
6	**Cống Φ 1500 mm - D=120mm**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	2.445.000	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	2.602.000	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	2.822.000	Cấp tải cao
B	**Cống bê tông ly tâm sản xuất theo tiêu chuẩn 22TCN 272-05-Sử dụng phụ gia Silicafume**			
1	**Cống Φ 400 mm - D=50mm, M=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	291.900	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	313.800	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	324.600	Cấp tải cao
2	**Cống Φ 600 mm - D=63mm, M=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	474.900	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	504.500	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	536.800	Cấp tải cao
3	**Cống Φ 800 mm - D=80mm, M=28Mpa**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	766.600	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	848.500	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	911.500	Cấp tải cao
4	**Cống Φ 1000 mm - D=100mm**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	1.253.300	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	1.390.900	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	1.460.500	Cấp tải cao
5	**Cống Φ 1200 mm - D=120mm**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	2.292.900	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	2.375.700	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	2.555.900	Cấp tải cao
6	**Cống Φ 1500 mm - D=120mm**			
	Hoạt tải $3x10^{-3}$ Mpa (cống dọc đường)	mét	2.832.200	Cấp tải thấp
	Hoạt tải 65%HL93 (cống qua đường > H10)	mét	3.016.600	Cấp tải tiêu chuẩn
	Hoạt tải100%HL93 (cống qua đường > H30)	mét	3.272.400	Cấp tải cao

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Giá bán (đồng/ĐVT)	Phụ ghi
C	**Gối cống các loại M200**			
1	Gối cống Φ 400	cái	140.000	
2	Gối cống Φ 600	cái	203.000	
3	Gối cống Φ 800	cái	250.000	
4	Gối cống Φ 1000	cái	310.000	
5	Gối cống Φ 1200	cái	581.800	
D	**Giăng cao su các loại**			
1	Giăng cao su cống Φ 300	sợi	33.500	
2	Giăng cao su cống Φ 400	sợi	37.800	
3	Giăng cao su cống Φ 600	sợi	47.500	
4	Giăng cao su cống Φ 800	sợi	58.400	
5	Giăng cao su cống Φ 1000	sợi	68.200	
6	Giăng cao su cống Φ 1200	sợi	79.100	
7	Giăng cao su cống Φ 1500	sợi	94.400	
8	Giăng cao su cống Φ 1800	sợi	107.000	
9	Giăng cao su cống Φ 2000	sợi	118.000	
E	**Cọc bê tông dự ứng lực sản xuất theo tiêu chuẩn 22TCN 272-05, Cường độ thép 17.250 kg/cm^2**			
1	Cọc bê tông DƯL 100 x 100-35Mpa ≥ M400	mét	47.600	TCXD 205:1998
2	Cọc bê tông DƯL 120 x 120-35Mpa ≥ M400	mét	64.900	TCXD 205:1998
3	Cọc bê tông DƯL 150 x 150-35Mpa ≥ M400	mét	88.500	TCXD 205:1998
4	Cọc bê tông DƯL 200 x 200-8m-35Mpa ≥ M400	mét	181.900	TCXD 7888:2014, TCVN 9114: 2012
5	Cọc bê tông DƯL 200 x 200-6m-35Mpa ≥ M400	mét	186.400	TCXD 7888:2014, TCVN 9114: 2012
F	**Gạch Terrazzo-Lát vĩa hè TCVN 7744: 2013**			
1	(400x400)mm, dày 30mm (+/-1,3) – màu vàng, tím, xanh lá cây, xám điểm hồng, xám xanh	m^2	86.400	
2	(400x400)mm, dày 30mm (+/-1,3), màu xám, xám tro, đỏ	m^2	81.800	
G	**Gạch xây không nung (Block) TCVN 6477: 2011**			
1	Gạch 90mm x 190mm x 390mm	viên	4.390	

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Giá bán (đồng/ĐVT)	Phụ ghi
2	Gạch 90mm x 190mm x 190mm	viên	2.195	
3	Gạch 45mm x 190mm x 90mm	viên	934	
H	**Gạch xây không nung (Block) TCVN 6477: 2011**			
1	Gạch 190mm x 190mm x 390mm	viên	7.910	
2	Gạch 100mm x 190mm x 390mm	viên	4.240	
3	Gạch 100mm x 190mm x 200mm	viên	2.120	
4	Gạch 50mm x 100mm x 200mm	viên	1.048	

Ghi chú:

- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT (10%).
- Hàng được giao trên phương tiện của bên mua tại Nhà máy Cấu kiện Bê tông An Giang (trực thuộc Công ty Cổ phần Địa ốc An Giang) tọa lạc tại QL 91 ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Bảng giá này có hiệu lực đến khi có Bảng Báo giá mới điều chỉnh.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP ĐỊA ỐC AN GIANG

Nguyễn Văn Trung

Nơi nhận:
-Như kính gửi;
-Lưu: VT.